TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 06/ 5/ 2019
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR - TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hiền.

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông: Nguyễn Văn Mạnh

2. Bà Trần Thị Thanh Thẩm

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Đức Đuống- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Bích Thảo - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, Sinh năm: 1964

Bị đơn: Ông Lê Văn Q. Sinh năm: 1962.

Cùng địa chỉ: Thôn 1B, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà tự nguyện chung sống với ông Lê Văn Q vào tháng 4/1987 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do tính tình không hợp, cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài không khắc phục được, vợ chồng không còn sống chung, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Q.

- Về con chung: Bà và ông Q hiện có 04 con chung là: Lê Quốc Tr, sinh năm 1990, hiện làm nghề cơ khí tự do. Lê Thị T1, sinh năm 1994 đã lấy chồng có gia

đình riêng. Lê Quốc V, sinh năm 2000, hiện đã đi làm cơ khí tự do. Lê Văn T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2004 , hiện đang ở với bà.

Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, vấn đề cấp dưỡng nuôi con do ông Q tự nguyện theo khả năng. Bà không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

*** Bị đơn trình bày:**

Ông hoàn toàn thống nhất các ý kiến, yêu cầu của bà Huỳnh Thị T về các nội dung ông với bà T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, về con chung, về mâu thuẫn vợ chồng. Nay bà T yêu cầu không công nhận vợ chồng thì ông đồng ý vì vợ chồng tình cảm không còn.

Về con chung: Ông đồng ý bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Văn T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2004 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông sẽ cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng. Có thì ông cho con, không có thì thôi. Vì hiện tại ông đã già yếu, không có nghề nghiệp.

- Về tài sản chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đăk Lăk phát biểu:

Về Tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định theo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giao thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và đương sự đúng thời hạn, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung khi giải quyết vụ án:

Đối với việc áp dụng luật nội dung khi giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; căn cứ Điều khoản chuyển tiếp được quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Huỳnh Thị T tự nguyện chung sống với ông Lê Văn Q vào tháng 4/1987 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống riêng trong thời gian dài mà không khắc phục được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Q.

Ông Q hoàn toàn đồng ý với ý kiến, yêu cầu của bà T vì tình cảm vợ chồng không còn.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T là phù hợp với khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Lê Văn Q hiện có 04 con chung, 03 con lớn là Tr, T1, V đã đủ 18 tuổi, không có ai thuộc trường hợp phải cấp dưỡng. Riêng cháu Lê Văn T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2004, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định tại các Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp nguyện vọng cháu T nên cần chấp nhận.

Về phân chia tài sản chung: Ông Q, bà T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị T nhận chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 của các Điều 28, Điều 35, Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11, các Điều 87, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, không công nhận bà Huỳnh Thị T, ông Lê Văn Q là vợ chồng.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Văn T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2004, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Lê Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị T nhận chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà T đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006994 ngày 09/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Đăk Lăk ;*
- *VKSND huyện Cư M'gar;*
- *Chi cục THADS huyện Cư M'gar;*
- *UBND xã E;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Hiền